TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 618 /2021/DS-ST
Ngày: 18 - 5 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Yến

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1769/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp: " Hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là bà A; địa chỉ: đường Đ, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông T - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2019) (có mặt);

Bị đơn là bà M; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư ngụ: đường T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày: Ngày 28 tháng 02 năm 2016, nguyên đơn có nhờ bị đơn làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất nhưng hai bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Nguyên đơn đã giao cho bị đơn nhiều lần tiền, tổng cộng là 49.800.000 đồng (trong đó có 8.000.000 đồng không ghi biên nhận)

và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00087 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010. Theo thỏa thuận, bị đơn cam kết thời hạn hoàn tất việc xin công nhận quyền sử dụng đất là 05 tháng, nhưng hết thời hạn nêu trên nguyên đơn vẫn chưa nhận được kết quả. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận và bản chính Giấy chủ quyền nhà, nhưng bị đơn không thực hiện. Ngày 17 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn đã nộp đơn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T yêu cầu giải quyết về việc bị đơn không thực hiện theo cam kết. Nay nguyên đơn yêu cầu chấm dứt giao dịch xác lập ngày 28 tháng 02 năm 2016, giữa nguyên đơn và bị đơn; bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận là 41.800.000 đồng (đối với số tiền 8.000.000 đồng do khi giao cho bị đơn, nguyên đơn không ghi biên nhận nên nguyên đơn không yêu cầu) và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00087 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010.

Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục đăng báo trên trên các phương tiện thông tin đại chúng về thời gian bị đơn có mặt tại Tòa án, nhưng bị đơn vẫn không có mặt và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ, nên việc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ được xác lập ngày 28/02/2016, buộc bị đơn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là 41.800.000 đồng và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00087 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010, tại địa chỉ đường Đ, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, đôi bên tuy không lập hợp đồng dịch vụ, nhưng tại biên nhận ngày 28 tháng 02 năm 2016 có thể hiện các nội dung như sau: " Tôi tên: M, vào ngày 28/02/2016 tôi có nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu phần sân vườn căn nhà mang số A, đường Đ, Phường L, quận T, do bà A là chủ sở hữu. Số tiền dịch vụ là 18.000.000 đồng, thanh toán trước 10.000.000 đồng, thanh toán hết số tiền còn lại khi đóng thuế nhận chủ quyền nhà đất ở, thời gian 5 tháng (có nhận bản chủ quyền nhà bản chính)…" Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ngày 28 tháng 02 năm 2016, bị đơn có nhận làm thủ tục xin công nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số A, đường Đ, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại biên nhận ngày 28 tháng 02 năm 2016, thể hiện bị đơn đã nhận của nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00087 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010 và các lần tiền như sau: Ngày 28/02/2016 nhận 10.000.000 đồng; ngày 10/3/2016 nhận 15.000.000 đồng; ngày 28/4/2016 nhận 10.000.000 đồng; ngày 23/5/2016 nhận 2.800.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng không ghi ngày, tổng cộng là 41.800.000 đồng. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Vì vậy, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là biên nhận ngày 28 tháng 02 năm 2016, được xem là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là bị đơn đã nhận số tiền là 41.800.000 đồng và đang giữ của nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận

CH00087 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010. Theo thỏa thuận, bị đơn phải thực hiện công việc trong thời hạn là 05 tháng. Đến nay, nguyên đơn chưa nhận được kết quả như thỏa thuận, nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ được xác lập ngày 28 tháng 02 năm 2016, buộc bị đơn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là 41.800.000 đồng và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00087 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010, tại địa chỉ đường Đ, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là có cở sở, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 513, 516 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận nêu trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế cho Giấy chứng nhận nêu trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 41.800.000 đồng x 5% = 2.090.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án đã nộp là 1.245.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0021773 ngày 17 tháng 9 năm 2019, của Cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 513, Điều 516 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà A.

2. Chấm dứt giao dịch dân sự về hợp đồng dịch vụ, được xác lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2016, giữa bà A và bà M;

3. Buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền là 41.800.000 (bốn mươi mốt triệu tám trăm ngàn) đồng.

4. Buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà A bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00087 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp

cho bà A vào ngày 07 tháng 6 năm 2010, tại địa chỉ: đường Đ, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận nêu trên cho bà A, thì bà A được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế cho Giấy chứng nhận nêu trên.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.090.000 đồng.

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án đã nộp là 1.245.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0021773 ngày 17 tháng 9 năm 2019, của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng